



Original Article

The State's Role in Recovering and Developing the Private Sector in Vietnam in the COVID-19 Pandemic

Do Vu Phuong Anh^{1,2,*}, Do Minh Duc², To The Nguyen¹

¹*VNU University of Economics and Business,
No. 144, Xuan Thuy Road, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam*

²*DOJI Gold & Gems Group,
DOJI Tower, No. 5, Le Duan Road, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam*

Received: April 6, 2021

Revised: May 22, 2022; Accepted: June 25, 2022

Abstract: The COVID-19 pandemic has strongly hit the Vietnamese economy, including the private sector. Based on the analysis of the pandemic-caused impacts on this particular sector, the article evaluates the policies that Vietnam did implement in response to the COVID-19 pandemic in 2020 and 2021. It is found that the Government had issued a number of policies to support businesses such as investment capital, financial costs, labor, and employment... but there are still certain limitations. The article, therefore, proposes some recommendations to effectively implement those policies in the coming time.

Keywords: Policy, private sector, the COVID-19 pandemic, Vietnam.

* Corresponding author

E-mail address: dvphuonganh@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4798>

Vai trò của Nhà nước trong phục hồi và phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam thời kỳ đại dịch COVID-19

Đỗ Vũ Phương Anh^{1,2,*}, Đỗ Minh Đức², Tô Thế Nguyên¹

¹Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI, Tòa nhà DOJI Tower, 5 Lê Duẩn, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 6 tháng 4 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 22 tháng 5 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2022

Tóm tắt: Đại dịch COVID-19 đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với nền kinh tế Việt Nam, trong đó khu vực kinh tế tư nhân. Trên cơ sở phân tích tác động của đại dịch COVID-19 đến khu vực này, bài viết tổng hợp, phân tích và đánh giá các chính sách mà Việt Nam đã thực hiện nhằm ứng phó với tình hình đại dịch COVID-19 trong hai năm 2020-2021. Kết quả cho thấy, Chính phủ đã ban hành một số nhóm chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp như hỗ trợ vốn đầu tư, chi phí tài chính cho doanh nghiệp, hỗ trợ lao động, việc làm..., tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế nhất định. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm thực hiện hiệu quả các chính sách trong thời gian tới.

Từ khóa: Chính sách hỗ trợ, khu vực kinh tế tư nhân, đại dịch COVID-19, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Đại dịch COVID-19 đã khiến cho nền kinh tế toàn cầu phải trải qua một cú sốc ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô. Đại dịch COVID-19 bùng phát nhanh chóng cả về quy mô và khu vực địa lý trên toàn cầu, kèm theo nhiều diễn biến khó lường đã làm suy thoái và tác động tiêu cực đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, trước làn sóng đại dịch COVID-19, tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng ở mức độ đứt gãy hoặc chậm lại, sự gián đoạn thương mại quốc tế gây ra nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu. Để có thể phục hồi và phát triển, Việt Nam đã ban hành một số chính sách hỗ trợ nền kinh tế, bao gồm cả khu vực kinh tế tư nhân (KTTN). Do đó, bài viết hướng tới xem xét tác động của đại dịch COVID-19 tới kinh tế tư nhân, phân tích

và đánh giá các chính sách mà Việt Nam đã thực hiện nhằm ứng phó với tình hình đại dịch COVID-19, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm thực hiện hiệu quả các chính sách trong thời gian tới.

2. Tác động của đại dịch COVID-19 tới kinh tế tư nhân Việt Nam

Tổ chức Y tế Thế giới tuyên bố COVID-19 là đại dịch nghiêm trọng gây ra những hệ lụy hết sức nặng nề đối với nền kinh tế toàn cầu, làm sụt giảm mạnh mẽ tốc độ tăng trưởng. Trong đó, khu vực KTTN được cho là chịu thiệt hại nhiều hơn so với khu vực công và khu vực đầu tư nước ngoài (Gu và cộng sự, 2020; International Development Association, 2020).

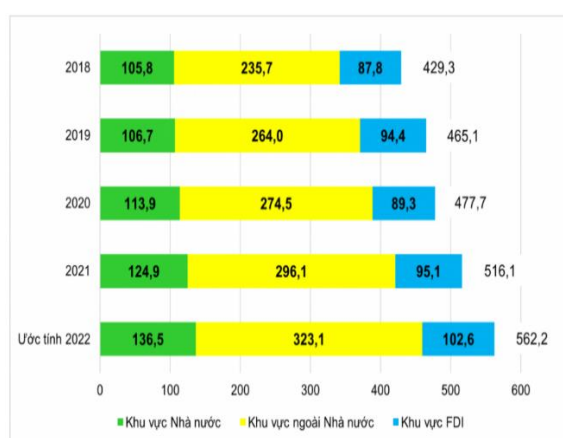
* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: dvphuonganh@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4798>

Vốn đầu tư

Xét về vốn đầu tư toàn xã hội theo thời giá hiện hành của quý I qua các năm 2018-2022, có thể thấy tốc độ tăng quý I/2020 so với quý I/2021 và quý I/2021 so với quý I/2022 ổn định trung bình ở mức 9,2% (tính toán của tác giả từ Minh Hương, 2021), đây là dấu hiệu tích cực cho việc hồi phục kinh tế bối cảnh đại dịch COVID-19. Trong đó, khu vực KTTN tiếp tục đóng góp một tỷ trọng vốn đầu tư quan trọng trong tổng vốn đầu tư của cả nền kinh tế. Vốn đầu tư toàn xã hội từ khu vực KTTN quý III/2021 giảm 1,4% so cùng kỳ và là mức giảm thấp nhất trong ba khu vực (khu vực nhà nước giảm 20,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 20,7%). Tính chung 9 tháng năm 2021, vốn đầu tư toàn xã hội chỉ tăng 0,4% chủ yếu nhờ lực kéo của vốn đầu tư từ khu vực KTTN. Vốn đầu tư từ khu vực KTTN đạt 1.100,5 nghìn tỷ đồng, tương ứng 58,9% và tăng 3,9%; đây là khu vực duy nhất có vốn đầu tư tăng trưởng dương so với cùng kỳ (Minh Hương, 2021).



Hình 1: Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội phân theo loại hình kinh tế theo giá hiện hành quý I các năm 2018-2022 (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)

Nguồn: Minh Hương (2021).

Mặc dù trong quý I của hai năm 2021-2022, KTTN vẫn chiếm tỷ trọng áp đảo 57,4% trong tổng nguồn vốn đầu tư xã hội, nhưng khó khăn về vốn vẫn là điểm nổi bật mà khu vực này phải đối mặt. COVID-19 đã tác động đáng kể đến nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân cũng như cơ hội tiếp nhận vốn đầu tư bởi nguồn

vốn không chỉ khan hiếm mà còn triển khai chậm và thận trọng hơn trong bối cảnh dễ bị tổn thương như hiện nay (International Development Association, 2020). Theo khảo sát của Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân của Thủ tướng (2020), 74% doanh nghiệp có nguy cơ phá sản nếu đại dịch kéo dài trên 6 tháng ở Việt Nam.

Chi phí tài chính

Do những tác động tiêu cực đáng kể từ việc tạm ngừng các hoạt động sản xuất - kinh doanh, tất yếu các doanh nghiệp sẽ gặp phải khó khăn nhất định về mặt chi phí. Theo Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân của Thủ tướng (2020), cả 2 nhóm doanh nghiệp “tạm ngừng hoạt động do dịch” và nhóm “duy trì sản xuất kinh doanh” đều gặp phải khó khăn lớn nhất là trả tiền lương cho người lao động, với tỷ lệ trên 70% doanh nghiệp. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn gặp phải nhiều khó khăn tài chính khác như: Trả tiền lãi vay ngân hàng; Đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ; Chi phí xét nghiệm cho lao động; Trả tiền thuê kho bãi, nhà xưởng cho Nhà nước...

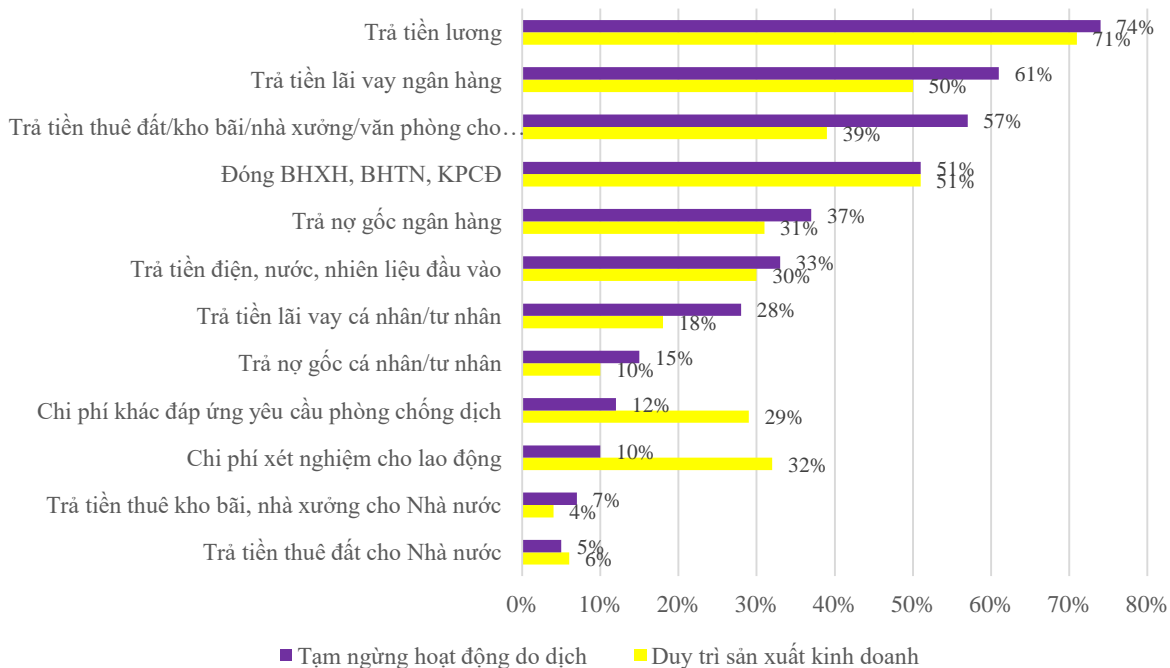
COVID-19 được cho là không chỉ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp thông qua gián đoạn quy trình sản xuất, thị trường tài chính, khó khăn trong kết nối khách hàng và gia tăng chi phí khác, mà còn ảnh hưởng lâu dài đến quá trình phát triển dài hạn của doanh nghiệp do thay đổi cấu trúc vận hành, giảm năng suất lao động của người lao động sau giãn cách, cũng như thay đổi thói quen của người tiêu dùng... (Dang và Nguyen, 2021; Malesky, 2020). Cụ thể, 57-71% số doanh nghiệp phải chi trả thêm chi phí phục vụ cho đảm bảo an toàn dịch bệnh và chất lượng vệ sinh phòng dịch; lượng lớn doanh nghiệp (36-40%) chịu sự gián đoạn do phải chuyển đổi mô hình sản xuất - kinh doanh theo hướng linh hoạt hơn. Hơn nữa, 9-15% số doanh nghiệp phải chịu chi phí cách ly chi trả cho người lao động.

Lao động và việc làm

Theo báo cáo đánh giá nhanh tác động của đại dịch COVID-19 tới doanh nghiệp và người lao động Việt Nam của Tổ chức Lao động Quốc tế (2020): (i) Trung bình các doanh nghiệp đã cắt giảm chi phí cho lao động, ảnh hưởng tới hơn 30% số lao động; (ii) Sự chậm trễ trong các hoạt

động đã khiến 60,3% số doanh nghiệp gián đoạn trong kết nối với khách hàng; (iii) 36,2% số lao động đánh giá năng suất có dấu hiệu suy giảm trong thời gian cách ly; (iv) 83% phụ nữ bị mất việc hoặc cắt giảm lương, trong đó có đến 32,3% là người kiếm tiền duy nhất cho gia đình; (v) 86,9% số lao động chịu ảnh hưởng bởi các đả kích và ảnh hưởng tâm lý trong thời gian giãn

cách. Theo Ngân hàng Thế giới (2020), 15% số doanh nghiệp Việt Nam đã phải sa thải đáng kể người lao động, trong khi hơn một nửa buộc bị cắt lương. Việc suy giảm số lượng, chất lượng và hiệu suất lao động là một hệ lụy ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân.



Hình 2: Khó khăn tài chính về các khoản thanh toán của doanh nghiệp
 Nguồn: Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân của Thủ tướng (2020).

Hoạt động sản xuất - kinh doanh

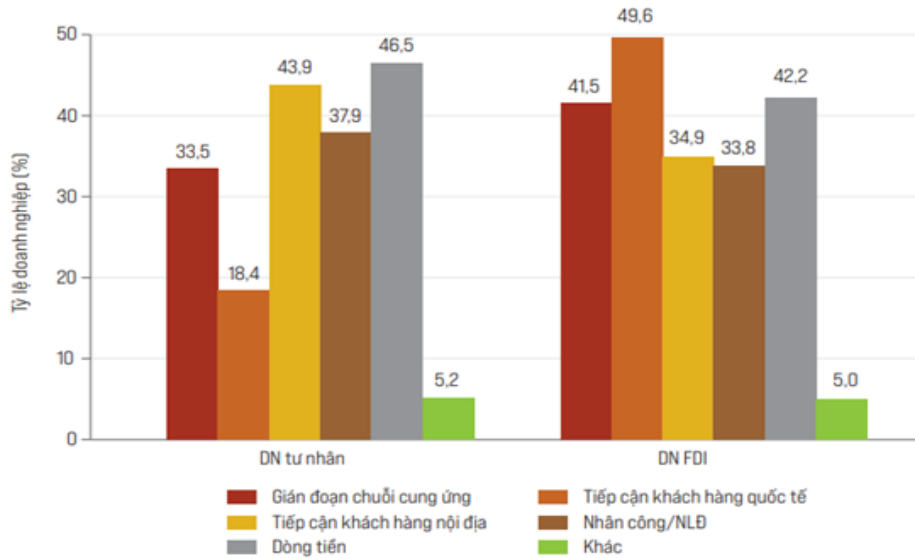
Việc “đội” chi phí kinh doanh trong khi lượng tiêu thụ hàng hóa giảm đáng kể đã khiến doanh thu của doanh nghiệp giảm trung bình từ 33,67%-36,24% tương ứng cho doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp nước ngoài. Hơn nữa, hơn 60% tổng số doanh nghiệp tư nhân chịu ảnh hưởng bởi đợt giảm doanh thu này (Malesky, 2020). Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi trong khu vực KTTN cũng giảm từ trung bình 46,5% giai đoạn 2011-2015 xuống còn 43% năm 2019; trong khi tỷ lệ kinh doanh thua lỗ gia tăng từ 39,9% lên 48,8% (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021). Trong

năm 2020, 65% doanh nghiệp tư nhân bị giảm doanh thu, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp có quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ bị ảnh hưởng nặng nề nhất (Đậu Anh Tuấn, 2021).

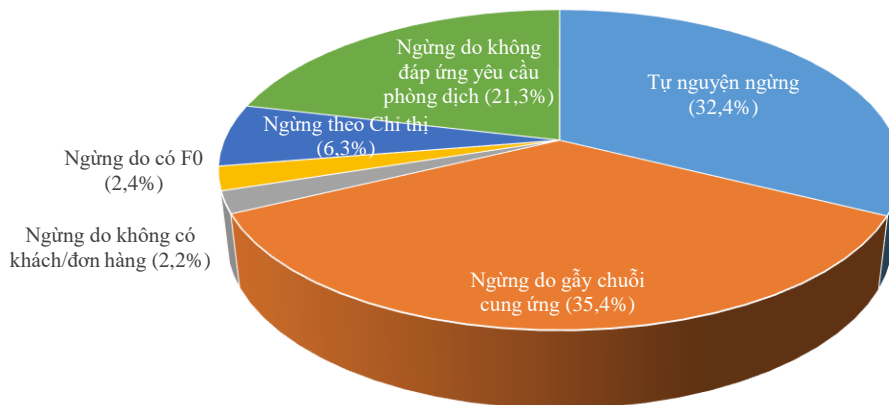
Ngân hàng Thế giới (2020) ghi nhận rằng tác động của đại dịch COVID-19 tới các doanh nghiệp Việt Nam thể hiện ở: (i) Nhiều hoạt động kinh doanh đóng cửa (cú sốc do phong tỏa lâu dài); (ii) Nhu cầu tiêu thụ hàng hóa giảm sâu (sốc cầu); (iii) Đứt gãy chuỗi cung ứng (sốc cung); (iv) Vốn tiếp cận hạn chế và đây chi phí vay vốn do đình trệ sản xuất (sốc tài chính); và (v) Gia tăng sự bất định của môi trường kinh doanh. Theo đó, khoảng 20% số doanh nghiệp đã phải

đóng cửa hoặc cắt giảm quy mô kinh doanh chỉ trong 6 tháng quyết định phong tỏa của Chính phủ, 81% số doanh nghiệp bị suy giảm về doanh số và ảnh hưởng tiêu cực đến số lượng khách hàng trong dài hạn. Tăng trưởng doanh số bình quân trong giai đoạn này là -27% đến -20%. Các doanh nghiệp cũng phải đối mặt với trạng thái

thiếu vốn bình quân trong 6 tháng, đồng thời rủi ro nợ gia tăng trong 6 tháng khoảng 47%. Trước bối cảnh đó, báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2020) chỉ ghi nhận khoảng 20-30% doanh nghiệp nhận được hỗ trợ, trong khi các thông tin và sự minh bạch của các chương trình còn nhiều hạn chế.



Hình 3: Những khó khăn mà các doanh nghiệp phải đối mặt trong giai đoạn COVID-19
 Nguồn: Malesky (2020).



Hình 4: Lý do khiến các doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động trong bối cảnh dịch COVID-19 bùng phát (%)
 Nguồn: Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân của Thủ tướng (2020).

Doanh nghiệp dừng hoạt động, giải thể

Theo kết quả khảo sát của Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân của Thủ tướng (2020),

trong năm 2020, các doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động sản xuất - kinh doanh do đứt gãy chuỗi cung ứng chiếm tới 35,4%, trong khi

tỷ lệ ngừng hoạt động do không có khách hàng/đơn hàng chỉ chiếm 2,2%. Sở dĩ các doanh nghiệp này bị đứt gãy chuỗi cung ứng một phần là do tỷ lệ doanh nghiệp “buộc phải đóng cửa do không đáp ứng được các yêu cầu về phòng chống dịch của địa phương” chiếm tới hơn 21%. Trong các ngành bị ảnh hưởng lớn bởi đại dịch COVID-19, bán lẻ, du lịch, hàng không, sản xuất máy tính, thiết bị điện tử và một số mặt hàng gia công (đồ da, may mặc) chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.

Trong 10 tháng đầu năm 2021, có tới 13.608 doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động, tăng 0,8% so với năm 2020. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm 10%, số vốn đăng ký giảm 2%, số doanh nghiệp giải thể và đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh tăng lần lượt 26% và 17% so với cùng kỳ năm trước (Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh, 2021). Khánh Linh (2021) chỉ ra 35% doanh nghiệp tư nhân phải sa thải người lao động trong bối cảnh COVID-19, trong đó các doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa và nhỏ phải thực hiện biện pháp này nhiều nhất. Ở Việt Nam, các tập đoàn cũng không ngoại lệ khi phải đối mặt với những ảnh hưởng tiêu cực mà COVID-19 gây ra. Trong đỉnh điểm COVID-19 tại tỉnh Bắc Giang vào quý II năm 2021, tập đoàn Foxconn của Đài Loan đã phải tạm đóng cửa ba nhà máy do ảnh hưởng của đại dịch; hay tập đoàn VinGroup cũng báo lỗ sau thuế hơn 7,5 nghìn tỷ đồng trong năm 2021 (Thái Duy, 2022).

Mặc dù ảnh hưởng tiêu cực của COVID-19 bao trùm lên toàn bộ nền kinh tế, vẫn có một số tập đoàn KTTN đã tận dụng được những cơ hội để thay đổi, phát triển theo xu hướng mới và vượt qua cơn khủng hoảng một cách ngoạn mục. Điển hình như tập đoàn TH đã duy trì mức tăng trưởng cao và đảm bảo đầy đủ chế độ đãi ngộ, phúc lợi cho người lao động (Vietnam Plus, 2021). Tập đoàn Masan đã đẩy mạnh tối đa công suất hoạt động của các nhà máy, tăng cường dự trữ nhằm đảm bảo đầy đủ nguồn cung các loại thực phẩm và hàng hóa thiết yếu đến tay khách hàng. Tương tự, tập đoàn Vinamilk đã xác định quản trị, công nghệ, nhân sự là ba yếu tố then chốt để Vinamilk đạt được “mục tiêu kép” và giữ mức tăng trưởng ổn định qua đại dịch. Trong suốt hai năm 2020

và 2021, tập đoàn DOJI đưa ra kế hoạch BCP chặt chẽ (Business Continuity Plan) và bám sát các nhịp độ sản xuất - kinh doanh. Tập đoàn này cũng đã tìm thấy cơ hội trong dịch COVID-19 khi mua bán và sáp nhập thành công Công ty Thế giới kim cương. Theo số liệu của các Bộ, ban, ngành, các khu vực nông, lâm, thủy sản; khu vực công nghiệp, khu vực xây lắp; khu vực dịch vụ đã có tín hiệu phục hồi mạnh mẽ trở lại trong năm 2021 (Nguyễn Hoàng Nam, 2021).

3. Khái quát một số chính sách quản lý nhà nước của Việt Nam với kinh tế tư nhân thời kỳ COVID-19

3.1. Phản ứng chính sách của Việt Nam

Những khó khăn, thách thức trong bối cảnh COVID-19 đã buộc Việt Nam phải nhanh chóng đưa ra các quyết sách nhằm đạt được “mục tiêu kép”: vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế. Bài toán kinh tế được Việt Nam đặt lời giải một cách rõ ràng và cấp thiết, bao gồm: (i) Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận nguồn vốn, các khoản vay tín dụng, các dịch vụ tài chính, các hoạt động thương mại, thanh toán số, miễn/giảm thuế; (ii) Tối ưu các thủ tục hành chính và chi phí cho doanh nghiệp; (iii) Thúc đẩy sản xuất - kinh doanh và mở cửa cho xuất nhập khẩu; (iv) Đưa các ngành nghề vận tải hành khách đường không, đường bộ, du lịch, khách sạn vào hoạt động trở lại; (v) Cải thiện tốc độ giải ngân và tiến độ đầu tư công để tạo lập môi trường kinh doanh hiệu quả; (vi) Hỗ trợ người yếu thế, hỗ trợ việc làm và xử lý các vướng mắc phát sinh về nhân lực, lao động; và (vii) Tuyên truyền, truyền thông rộng rãi về các diễn biến của tình hình dịch bệnh và kinh tế - xã hội. Bài viết này tập trung phân tích các chính sách giải quyết khó khăn về vốn đầu tư, chi phí tài chính và lao động - việc làm.

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về vốn đầu tư

Có thể nói, phản ứng chính sách của Việt Nam trong thời kỳ đại dịch COVID-19 là rất kịp

thời. Ngay sau Chỉ thị số 11/CT-TTg, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN và hàng loạt các quyết định điều chỉnh giảm lãi suất điều hành. Trọng tâm của chính sách tiền tệ này chính là việc cơ cấu lại các khoản nợ, hỗ trợ (miễn, giảm) lãi suất và hỗ trợ các khoản tín dụng với quy mô lên đến 250.000 tỷ đồng. Trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã 3 lần liên tiếp điều chỉnh giảm các lãi suất quan trọng như: lãi suất tái cấp vốn, lãi suất OMO hay trần lãi suất huy động ngắn hạn, lãi suất tài chiết khấu... Lãi suất tái cấp vốn từ 6% và trần lãi suất tiền gửi ngắn hạn (1-6 tháng) từ 5% cũng được cắt giảm còn 4% trong giai đoạn này.

Bên cạnh đó, một số điều chỉnh chính sách quan trọng liên quan đến các quy định về an toàn tài chính của Ngân hàng Nhà nước trong năm 2020 gồm thay đổi về tỷ lệ huy động vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn; giữ nguyên nhóm nợ đối với các khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Để thực hiện vấn đề này, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 22/2019/TT-NHNN quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Ngoài ra, vấn đề giữ nguyên nhóm nợ trong Thông tư 01/2020/TT-NHNN đã tạo những thuận lợi bước đầu để các doanh nghiệp có thể tiếp cận với nguồn tín dụng với cơ sở lần được cơ cấu lại thời hạn thanh toán, trả nợ vay. Đây chính là điều kiện cần thiết để doanh nghiệp có thể mạnh dạn vay tiền tái đầu tư, vượt qua giai đoạn khủng hoảng và phục hồi hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Chính sách hỗ trợ chi phí tài chính cho doanh nghiệp

Để hỗ trợ các doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị định 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất. Trong năm 2020, việc triển khai các chính sách gia hạn thuế và tiền thuê đất có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp, trong khi đó thu thuế nội địa vẫn đảm bảo mục tiêu đề ra. Trên tinh thần Nghị định 41/2020/NĐ-CP, Tổng cục Thuế ước tính có khoảng 737.314 doanh nghiệp đang hoạt động (chiếm khoảng 98% tổng số doanh nghiệp) và khoảng 347.840 hộ kinh doanh cá thể ngừng

kinh doanh (chiếm khoảng 24% số hộ, cá thể kinh doanh) thuộc diện hưởng lợi chính sách (Phạm Hồng Chương và cộng sự, 2021). Theo kỳ vọng, Nghị định 41/2020/NĐ-CP được coi là giải pháp kịp thời, thiết thực và vô cùng quan trọng giúp các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vượt qua giai đoạn cam go của COVID-19.

Bên cạnh đó, Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với các nhóm doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức khác. Do vậy, đối tượng được giảm 30% thuế TNDN phải nộp của năm 2020 là các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng. Chính sách này đã góp phần hỗ trợ khắc phục khó khăn cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ với khả năng tiếp cận vốn hạn chế, thị trường hẹp, nguồn lao động thấp, doanh thu thấp và chịu tác động tiêu cực bởi đại dịch COVID-19. Động thái giảm thuế TNDN sẽ giúp các doanh nghiệp có thêm nguồn tài chính bù đắp, bổ sung vào vốn kinh doanh, tiếp tục thúc đẩy doanh nghiệp phát triển và mở rộng đầu tư, sản xuất - kinh doanh, gia tăng việc làm và phúc lợi cho người lao động.

Trong năm 2020, nhằm khắc phục hậu quả và hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Bộ Tài chính đã ban hành nhiều thông tư quy định miễn, giảm các loại phí và các lệ phí khác như: Nghị định số 22/2020/NĐ-CP, Thông tư số 46/2020/TT-BTC, Thông tư số 54/2020/TT-BTC... Việc cắt giảm các loại phí và lệ phí đã giúp các doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất - kinh doanh. Theo thống kê, tổng số phí, lệ phí cắt giảm cho doanh nghiệp, người dân trong năm 2020 là khoảng 500 tỷ đồng (Phạm Hồng Chương và cộng sự, 2021).

Chính sách hỗ trợ lao động, việc làm

Chính phủ đã ban hành một số nhóm chính sách an sinh xã hội nhằm chia sẻ những khó khăn với doanh nghiệp và người lao động. Nghị quyết số 42/NQ-CP về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, kèm theo Quyết định 15/2020/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp

khó khăn do đại dịch COVID-19 đã hỗ trợ những người sử dụng lao động có khó khăn về tài chính, trả trước tối thiểu 50% lương ngừng việc cho người lao động theo khoản 3 Điều 98 Bộ Luật Lao động. Bên cạnh đó, những hộ kinh doanh cá thể đạt mức doanh thu nộp thuế dưới 100 triệu đồng/năm phải tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/04/2020 thì hàng tháng sẽ được nhận khoản trợ cấp giá trị 1 triệu đồng/hộ/tháng (không quá 3 tháng) căn cứ vào diễn biến thực tế của dịch bệnh.

3.2. Một số hạn chế của các chính sách và nguyên nhân

Với nhóm chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về vốn đầu tư

Mặc dù các quyết sách đi đúng hướng nhưng hoạt động hỗ trợ tín dụng cho các đối tượng doanh nghiệp chịu ảnh hưởng sâu của COVID-19 còn nhiều vấn đề tồn đọng, chẳng hạn như các rào cản trong việc tiếp cận nguồn hỗ trợ. Các doanh nghiệp phải bỏ ra một khoản chi phí lớn để hoàn thiện hồ sơ thủ tục xin hỗ trợ, các nội dung trong hồ sơ khá nhiều, từ báo cáo đánh giá thiệt hại do đại dịch, báo cáo kiểm toán doanh nghiệp, bản minh chứng khả năng thanh khoản, minh chứng khả năng trả được nợ nếu được cơ cấu lại nợ. Với sự rườm rà và phức tạp đó, các nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ là nhóm cần hỗ trợ nhất nhưng lại là nhóm gặp khó khăn nhất trong việc tiếp cận chính sách. Hơn nữa, chính sách này hiện chỉ nhắm vào các tổ chức kinh tế có hoạt động liên quan tới ngân hàng, trong khi đó có nhiều mô hình sản xuất - kinh doanh siêu nhỏ và hộ sản xuất - kinh doanh cá thể vận hành không thông qua hệ thống ngân hàng. Ngoài ra, các biện pháp về giảm lãi suất trong bối cảnh COVID-19 là cần thiết nhưng chưa đủ để kích thích các doanh nghiệp mạnh dạn vay vốn tái thiết sản xuất - kinh doanh do cầu trên thị trường cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Với nhóm chính sách hỗ trợ chi phí tài chính cho doanh nghiệp

Về giảm tiền thuê đất, tác động của chính sách này không thực sự đáng kể do diện nhận được hỗ trợ rất hạn chế. Có nhiều doanh nghiệp

thuê đất của các công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp để xây dựng nhà máy, nhưng họ lại là những nhà đầu tư thứ cấp, không phải đối tượng chính được thụ hưởng chính sách. Bên cạnh đó, đối với việc thực hiện Nghị định 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất, chỉ có khoảng 184.887 giấy đề nghị gia hạn tiền thuế và tiền thuê đất, do vậy chính sách này về cơ bản chưa đạt được mục đích do kết quả đạt được chưa đáng kể (Phạm Hồng Chương và cộng sự, 2021).

Về giảm thuế TNDN, chính sách đã bỏ qua các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ (do bệnh dịch) mà hướng vào những doanh nghiệp có lợi nhuận (không phải đối tượng ưu tiên trong điều kiện ngân sách hạn hẹp). Theo Phạm Hồng Chương và cộng sự (2021), chính sách này đã vô tình làm giảm nghĩa vụ, trách nhiệm nộp ngân sách năm 2020 cho một số doanh nghiệp với con số khoảng 23.000 nghìn tỷ đồng, và thu ngân sách sẽ giảm đi một con số tương ứng - số tiền đáng lẽ có thể giải ngân cho những đối tượng cần nó hơn để vượt qua thời kỳ khó khăn.

Về cắt giảm lệ phí, chính sách này được đưa ra trong bối cảnh chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia để quản lý thông tin về đối tượng hưởng hỗ trợ nên vấn đề thủ tục đăng ký nhận hỗ trợ rắc rối và phức tạp, mất nhiều thời gian, gây nhiều phiền hà. Ngoài ra, các đối tượng nhận hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết 42/NQ-CP là chưa hợp lý. Các quy định về điều kiện hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động cũng tương tự như quy định về điều kiện hỗ trợ người lao động nên nhiều doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện để nhận hỗ trợ.

Về các chính sách hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp, thủ tục và điều kiện tiếp tục là rào cản lớn. Khi đang trong tình trạng gặp khó khăn cố hữu do đại dịch, doanh nghiệp sẽ khó có thể chứng minh tài chính, thậm chí nhiều doanh nghiệp đã dùng hết nguồn dự phòng tiền lương để trả lương ngừng việc, lương nghỉ dịch.

Bên cạnh hạn chế từ chính sách, hạn chế từ việc triển khai và thực hiện các chính sách cũng gặp phải một số rào cản. Ví dụ đối với chính sách hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp, với gói hỗ trợ

250 nghìn tỷ đồng, ước tính chỉ có khoảng 3% doanh nghiệp nhận được hỗ trợ. Nguyên nhân sâu xa là ở khâu triển khai thực hiện, cán bộ có sự đùn đẩy, ngại trách nhiệm nên gây ra chậm trễ tiến độ. Nhiều doanh nghiệp đã đưa ra sự phàn nàn và đánh giá thấp về khả năng tiếp cận thông tin về các chính sách hỗ trợ cũng như mức độ thuận lợi để nhận được hỗ trợ. Ngoài ra, một số chính sách còn gặp phải nhiều hạn chế, chưa lan tỏa đến được các đối tượng - đặc biệt là khu vực KTTN. Nguyên nhân do dịch bệnh COVID-19 diễn biến khá nhanh và phức tạp nên tác động của nó là rất khó dự báo, các chính sách chưa lường trước, phổ quát hết được các đối tượng gặp khó khăn. Bên cạnh đó, việc sản xuất - kinh doanh bị đình trệ hoặc tạm ngưng hoạt động nên nhiều doanh nghiệp bị sụt giảm nghiêm trọng hoặc không có doanh thu, dẫn đến tiền nộp ngân sách thấp, gây khó khăn cho chính sách tài khóa.

4. Khuyến nghị chính sách

Trước thực trạng đã phân tích ở trên, để thực hiện hiệu quả các nhóm chính sách nhằm hỗ trợ KTTN phục hồi và phát triển trong bối cảnh đại dịch COVID, bài viết đưa ra một số khuyến nghị:

Đối với các nhóm chính sách nhằm hỗ trợ khó khăn về vốn đầu tư: Các chính sách cần rõ ràng, minh bạch để đảm bảo doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người lao động được tiếp cận một cách dễ dàng. Cần hoàn toàn xóa bỏ những rào cản không cần thiết, hạn chế xác định sai lệch đối tượng mục tiêu. Các nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ thường rất khó tiếp cận các gói hỗ trợ do thủ tục hành chính phức tạp. Do vậy, cần tiếp tục rà soát và điều chỉnh các thủ tục sao cho phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, tăng cường và đẩy mạnh giám sát chặt chẽ nguồn tín dụng đổ vào các lĩnh vực đầu tư nhiều rủi ro, phi sản xuất để bảo đảm an toàn tín dụng, lành mạnh cơ cấu nợ.

Đối với nhóm chính sách liên quan đến thuế/phi: Cần mở rộng và xác định đúng các đối tượng hưởng chính sách, kéo dài thời gian thực hiện chính sách tùy thuộc vào diễn biến thực tế và độ phức tạp của dịch bệnh COVID-19. Cần có những đánh giá về mức độ đạt được mục tiêu

của chính sách trong từng năm để xác định được các ngành, các loại hình doanh nghiệp cần hỗ trợ và mức độ hỗ trợ phù hợp với mức độ ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Ngoài ra, các chính sách cũng cần đặt ra các mức hỗ trợ phân biệt theo mức độ ảnh hưởng và xác định thời gian phù hợp cho việc thụ hưởng. Để quá trình thực hiện chính sách đạt hiệu quả hơn, Chính phủ cần hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu quốc gia để phục vụ việc thực thi chính sách đúng, trúng tới các đối tượng thụ hưởng.

Đối với nhóm chính sách liên quan đến gói giải ngân hỗ trợ: Cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân, có những đánh giá chính xác và kịp thời về việc thực hiện chính sách để có thể phát hiện những bất cập và điều chỉnh. Về cách thức thực hiện, cần có cơ chế giám sát việc thực thi chính sách, đảm bảo các cơ quan thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao, đơn giản hóa các thủ tục và không được gây thất thoát. Trên cơ sở chuyển đổi số quốc gia, cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và cập nhật hàng năm về thông tin của các doanh nghiệp cũng như người lao động.

Đối với nhóm chính sách liên quan đến lao động, việc làm: Chính phủ kết hợp với các địa phương tạo ra các lưới an sinh xã hội, có những chính sách thiết thực hỗ trợ bà con từ các vùng nông thôn quay trở lại thành phố làm việc sau một thời gian tránh dịch, những người yếm thế trong xã hội với tốc độ giải ngân nhanh, khoa học, hiệu quả. Ngoài lao động tự do thì những người chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch nằm phần nhiều trong các doanh nghiệp tư nhân. Các doanh nghiệp tiếp tục trông đợi những chính sách “giảm gánh nặng” cho chủ doanh nghiệp liên quan đến việc tạm hoãn chi phí BHXH, BHYT. Các phúc lợi, đãi ngộ đối với người lao động có thể xem xét ở mức độ phạm vi khả năng của từng doanh nghiệp, tập đoàn. Các cơ quan quản lý nhà nước cần có tư duy đồng hành khó khăn với cả người sử dụng lao động hơn là chỉ quan tâm đến các chính sách an sinh xã hội liên quan trực tiếp tới người lao động. Các hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm về công tác lao động, tiền lương, bảo hiểm ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, cần dựa trên tâm thế đồng viên, hướng dẫn hơn là nặng về xử phạt hành

chính. Bởi các doanh nghiệp dù ở quy mô nào, đặc biệt là khu vực KTTN, đã chịu rất nhiều tổn thương sau đại dịch và cần mọi sự hỗ trợ, nguồn lực để tối ưu chi phí nhằm phục hồi và phát triển sản xuất - kinh doanh.

Tài liệu tham khảo

- Agency for Business Registration (2021). The Status of Business Registration in October and the first 10 Months of 2021. <<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/598/5615/tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-thang-10-va-10-thang-dau-nam-2021.aspx>> Accessed 08.3.2022.
- Dang, H. A. H., & Nguyen, C. V. (2021). Gender inequality during the COVID-19 pandemic: Income, expenditure, savings, and job loss. *World Development*, 140, 105296.
- Dau Anh Tuan (2021). Reform of Tax Administrative Procedures, Customs to Support Businesses. *Financial Journal*, Issue 1. <<https://tapchitaichinh.vn/co-che-chinh-sach/cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-thue-hai-quan-ho-tro-doanh-nghiep-337294.html>> Accessed 08.3.2022.
- Dinh Van Son et al. (2021). Vietnam Economic and Trade Annual Report 2020 - Investment and Growth in the Context of the COVID-19 Pandemic. Statistical Publishing House.
- General Statistics Office (2019). *Vietnam Labor Productivity Report*. Hanoi.
- Gu, X. et al. (2020). How do firms respond to COVID-19? First evidence from Suzhou, China. *Emerging Markets Finance and Trade*, 56(10), 2181-2197.
- ILO (2020). Quick impact assessment of COVID-19 pandemic on the key economic sectors: Responses, adjustment and resilience of businesses and workers. <https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/--asia/--ro-bangkok/--ilo-hanoi/documents/publication/wcms_757928.pdf> Accessed 08.3.2022.
- Khanh Linh (2021). How does the Covid-19 affect Vietnamese businesses? <<http://baokiemtoannhanuoc.vn/kiem-toan-trong-nuoc/covid-19-tac-dong-den-cac-doanh-nghiep-viet-nam-nhu-the-nao-147152>> Accessed 08.3.2022.
- Malesky, E. J. (2020). “The Vietnam provincial competitiveness index 2020”, <https://pcivietnam.vn/uploads/EN-Bao-cao-dai/2020_PCI_Report_final.pdf> Accessed 08/03/2022.
- Minh Huong (2021). Private economy - The driving force of Vietnam's economic growth. <https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tttc/pages_r/l/chi-tiet-tin-tin-tuc-tai-chinh?dDocName=MOFUCM217082> Accessed 08.3.2022.
- National Oceanic and Atmospheric Administration (2020). “Climate Prediction Center’s Africa’s Hazards Outlook”, Washington, D.C.
- Nguyen Hoang Nam (2021). Impact of the COVID-19 Pandemic on Economic Activities in Vietnam. In Vietnam’s Economy in 2020 and Outlook for 2021: Responding to and Overcoming the COVID-19 Pandemic, towards Recovery and Development. National Economics University Publishing House.
- Pham Hong Chuong et al. (2021). Vietnam Annual Economic Review 2020 - Responding to and Overcoming the COVID-19 pandemic, towards Recovery and Development. National Economics University Publishing House.
- State Bank of Vietnam (2020). *Annual Report 2020*. Information and Communication Publishing House.
- Thai Duy (2022). In 2021, Vingroup’s profits greatly affected by the Covid-19 and Sponsorship and Charity. <<https://thoibaotaichinhvietnam.vn/nam-2021-loi-nhuan-vingroup-chiu-anh-huong-lon-tu-covid-19-va-tai-tro-tu-thien-99666.html>> Accessed 08.3.2022.
- The Prime Minister’s Private Economic Development Research Board (2020). Report Survey Results on the Impact of the COVID-19 on Production and Business Activities.
- Vietnam Plus (2021). TH Group: “Secrets” of growing, overcoming the COVID-19 pandemic. <<https://www.vietnamplus.vn/tap-doan-th-bi-kip-tang-truong-vuot-qua-dai-dich-covid19/754505.vnp>> Accessed 08.3.2022.
- World Bank Group (2020). Equitable Growth, Finance, and Institutions COVID-19 Notes Finance Series. COVID-19 Outbreak: Capital Market Implications and Response. Equitable Growth, Finance, and Institutions Group.